

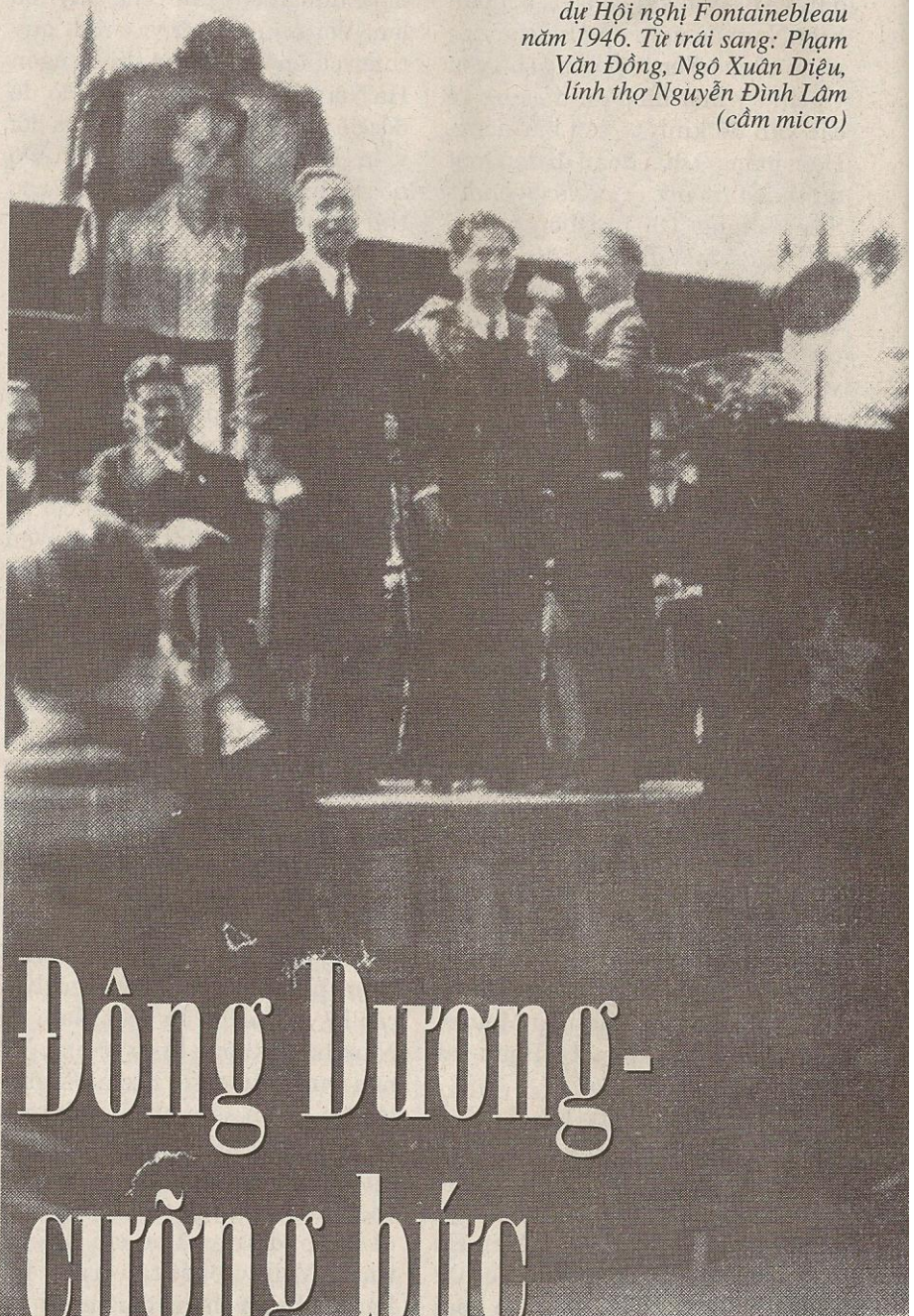
- Nghiên cứu Hán Nôm đối với văn hóa Việt Nam

- Cuộc chiến tranh “bản thổ” đã bắt đầu như thế

- Lĩnh thổ Đông Dương - Lao động cưỡng bức

Cách đây 70 năm, khi Chiến tranh thế giới thứ hai sắp diễn ra, thực dân Pháp ở Đông Dương đã tuyển mộ nhiều thanh niên bản xứ đưa sang “Mẫu quốc” để làm những công việc lao động không chuyên thay cho thanh niên Pháp bị động viên vào quân đội, chuẩn bị cho cuộc chiến tranh chống Đức. Nếu như trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, người Việt chủ yếu sang Pháp để đưa ra mặt trận làm bia đỡ đạn, thì lần này họ được sử dụng làm lính thợ không chuyên ONS (ouvrier non spécialisé) ở hậu phương. Một bộ phận thanh niên nông thôn (20.000 người) bị ép buộc và trưng dụng sang Pháp với nhiều bi kịch mà không ai trong số họ có thể ngờ tới. Trong số đó có vài người sau này trở thành nghệ sĩ nổi tiếng như họa sỹ Lê Bá Đảng, nhà điện ảnh Phạm Văn Nhân hay nhà văn Tô Hoài, tuy nhiên hành trình của nhà văn may mắn thay chỉ dừng lại ở chân tàu bến cảng mà không lên đường rời xứ sở.

*Đại biểu lính thợ giới thiệu phái đoàn Quốc hội Việt Nam dự Hội nghị Fontainebleau năm 1946. Từ trái sang: Phạm Văn Đông, Ngô Xuân Diệu, lính thợ Nguyễn Đình Lâm (cầm micro)*



# Lính thợ Đông Dương - lao động cưỡng bức

**NGUYỄN THỤY PHƯƠNG**

**“Nhân công Đông Dương”, họ là ai?**

Nước Pháp thời chiến thiếu nhân công trầm trọng vì đa phần đàn ông bị động viên ra chiến trường, một sắc lệnh (2-5-1939) do Bộ Chiến tranh ban ra nhằm

trưng dụng nhân công thuộc địa thay vào vị trí đó. Sắc lệnh ghi rõ họ phải là những người tự nguyện, được trả lương, đối đãi đúng quy định và sẽ được hồi hương khi chiến tranh kết thúc. Để quản lý những nhân công này, một nha Nhân công bản xứ (MOI)<sup>(1)</sup>, thuộc Bộ Lao động, được thiết lập theo một thông tư liên bộ ký năm 1934.

Nha MOI có trách nhiệm cùng điều phối với Bộ Quốc phòng để phân bổ công nhân từ các thuộc địa của Pháp ở châu Phi vào các xí nghiệp, nhà máy của Bộ. Tuy nhiên, việc phân tán và sử dụng nhân công còn mở rộng đến bất kỳ xí nghiệp công - tư nào. Khi nào có nhu cầu tuyển lao động, các nhà máy xí nghiệp liên lạc với MOI,

hai bên thỏa thuận các điều khoản như số lượng người, loại công việc, giá tiền... và sau đó ký hợp đồng sử dụng nhân công. Xí nghiệp rót tiền trực tiếp cho MOI, sau khi tính toán số tiền mà MOI phải chi trả các phí ăn, mặc, sinh hoạt cho mỗi đầu nhân công, MOI mới phát tiền về đến từng đại đội, từ đó, công nhân mới được nhận khoản tiền bèo bọt của mình mà không biết gọi là lương hay thưởng. Nói cách khác, nhân công bản xứ trở thành một thứ “hàng hóa” trao đổi qua một bản hợp đồng được ký giữa hai bên: Bộ Lao động và xí nghiệp.

Ngay những tuần đầu tiên chiến tranh bùng nổ, tại Đông Dương, chính quyền thuộc địa bắt buộc phải trưng dụng khẩn cấp nhân công với quy định chặt chẽ về số lượng. Người của chính quyền đi đến tận từng làng bắt buộc các gia đình có ít nhất hai người con trai trên 18 tuổi thì phải “giao nộp” một người cho “Pháp Mẫu”, nếu không người cha sẽ phải đi tù. Và như vậy, 3 kỳ thuộc xứ Đông Dương huy động được 19.550 người<sup>(2)</sup>, trong số đó 96% là nông dân mù chữ bị ép tuyển, chỉ có 4% là tình nguyện. Những người tình nguyện được sử dụng làm thông ngôn (phải có bằng Tú tài) hoặc giám thị (bằng Sơ đẳng tiểu học) vì họ biết tiếng Pháp. Xuất thân trong những gia đình khá giả, lý do tự nguyện xuất phát từ lòng hiếu kỳ của tuổi trẻ muốn thoát khỏi lũy tre làng trong thân phận của dân bị thuộc địa để khám phá nước Pháp.

Cuộc huy động này diễn ra khá khẩn trương. Từ 10-1939 đến 5-1940, có chừng 15 con tàu chuyên chở tối thiểu 1.500 nhân mạng. Ngay khi đặt chân lên tàu đến nước Pháp, họ bị nhốt nhét vào những khoang hàng hóa và bị đối xử như nô lệ. Vừa đặt chân đến Marseille, họ được “gửi gắm” ngay vào nhà tù Baumette vừa mới xây xong. Chừng 2 tuần sau, họ bị bắt cử đến làm nhiều loại công việc

đóng tàu hay sản xuất cánh máy bay đến việc đồng áng, làm rừng, nghĩa là bất cứ công việc tạp vụ cực nhọc và nguy hiểm nào. Nhân công Đông Dương vì thân hình bé nhỏ, sức khỏe không dẻo dai nên được bố trí vào những công việc dân sự đòi hỏi sự khéo léo, chịu khó và chịu khổ. Trong khi dân Bắc Phi và đặc biệt là các thuộc địa Pháp thuộc Phi châu hạ Sahara “thiện chiến” hơn nên được tuyển làm binh lính.

Bất đắc dĩ, từ nông dân vượt ra khỏi biên giới họ bỗng trở thành công nhân. Một đời sống quân luật đang đón chờ họ dưới sự cai trị và thái độ miệt thị của các cựu quân nhân thuộc địa.

#### **Phải chịu đời sống quân luật**

Lính thợ được chia thành 73 đại đội, thuộc 5 quân đoàn với “đại bản doanh” phân tán tại các vùng miền Nam nước Pháp Herault, Dordogne, Vaucluse, Toulouse và Marseille. Mỗi đại đội gồm khoảng 250 người kèm theo 1 đến 2 thông ngôn và được chia thành 10 nhóm 24 người dưới sự quản lý của một giám thị.

Họ sống trong những trại hoặc lán xây cất sơ sài bên cạnh xưởng làm việc (nhung tường bao thì kiên cố bằng dây thép gai). Họ sống trong khuôn khổ bán tự do vì họ được phép ra ngoài nhưng không được phép về muộn sau 22h và cấm không được đi tìm việc làm ở ngoài. Những trường hợp “đào ngũ” này đã bị tạm giam và bị theo dõi nghiêm ngặt sau đó. Chơi bài, uống rượu, cồng kềnh, trốn việc, không phục tùng mệnh lệnh... tất, ai cũng “được hưởng” đòn roi, si nhục, cắt cơm, “đặc ân” hơn thì tổng vào tù xây sắn trong khuôn viên trại, theo kiểu trại đầu tù đó. Ngoài ra, chưa bao giờ nhà MOI có ý định hòa nhập những nhân công này vào đời sống Pháp. Một phần vì đại đa số họ không biết tiếng Pháp, nhưng lý do chính vì đây là đối tượng phải kiểm soát trong khuôn khổ.

Bộ phận cai trị tuy ít ỏi (253

người cho 19.000 nhân công) nhưng có một quy chế tuyển chọn riêng. Nhất thiết họ phải là công chức và sỹ quan từng làm việc tại các thuộc địa. Khả năng quân sự của họ không nổi bật nhưng nhờ kinh nghiệm, thói quen và thái độ mang tinh thần thuộc địa sẽ giúp họ quản lý tốt số lao động Đông Dương này. Từ 1943 trở đi, một số sinh viên được đào tạo trở thành quan chức thuộc địa được bổ sung vào đội ngũ này và giữ chức phụ tá cho các chỉ huy đại đội.

Sống khép kín, bị quản lý chặt chẽ theo kiểu nhà binh, nhân công Đông Dương đúng là lính - thợ.

#### **Bị khai thác và ngược đãi**

Trên công trường, họ phải làm những công việc nặng nhọc, không được trang bị đồ bảo hộ tối thiểu. Mùa đông, vào rừng đốn củi, không găng, không giày, không áo ấm. Mùa hè, cấm mặt xuống ruộng muối, thô xe muối, nắng tấp vào mặt vào lưng. Đến vụ mùa, có ngày họ phải làm việc đến 15 tiếng, công nhân Pháp mệt thì được nghỉ còn họ bị bắt phải tiếp tục làm. Những ngày trời đông lờ mờ sáng, một đoàn người nối đuôi nhau lạng lè đi bộ 5 cây số đến nơi làm việc.

Về đến lán trại, sinh hoạt thường nhật cũng hết sức tạm bợ. Không những thế, các đại đội bị luân chuyển đến nơi làm mới hết sức thường xuyên. Nơi ăn chốn ngủ sơ sài, đệm rơm tuênh toàng rải xuống làm giường, giường có chằng thì mấy anh chung nhau một chiếc. Quần áo thiếu thốn, vừa không đủ ấm vừa không sạch sẽ. Ăn uống đã đành không hợp khẩu vị lại thêm không đầy đủ chất và luôn luôn thiếu. Công nhân các trại kêu đói thường xuyên. Mùa đông đến, không có lò sưởi, không có nước nóng. Ăn đói, mặc rét như vậy khiến họ nhiều khi phải đi ăn trộm nhà dân<sup>(3)</sup>. Dân quanh vùng tò mò về đám lính thợ vì hàng ngày vẫn thấy họ qua lại mà ít có dịp giao tiếp, đồng thời cũng giữ thái độ định kiến vì sự thiếu hiểu biết nên họ

ác cảm và hiểu sai lệch về những người Á châu này.

Không ai quan tâm đến sức khỏe của công nhân, bệnh có nặng quá thì bị gửi đến một nơi được gọi là “bệnh viện” Le Dantec (Marseille). Muốn được chữa trị thì anh phải dứt lốt cho bác sỹ và y tá, nếu mắc bệnh nặng thì anh cầm chắc cái chết, chưa kể bác sỹ ở đó coi anh như con... bệnh. Trên tổng số 19.000 người, có hơn 1.000 qua đời vì nhiều lý do bệnh tật, tai nạn nghề nghiệp, do chiến tranh...

Tiền công bèo bọt, công nhân chỉ được từ 1 - 2 quan/ngày, chưa bằng 1/10 công nhật của công nhân Pháp, giám thị hoặc thông ngôn thì cao hơn một chút, 5 quan/ngày. Số tiền này chỉ đủ cho họ mua vài điều thuốc lá. Ban điều hành “biện minh” rằng nhân công chỉ cần từng đó vì ăn uống, áo quần đã được trang bị rồi.

Hẳn là tiền lương của họ do các xí nghiệp trả qua MOI đáng nhẽ phải cao hơn con số này nhưng khi bị “giữ” lại ở MOI, lương công nhân đã bị cắt xén đi rất nhiều. Đây là chưa kể có những đại đội trưởng và đám thừa lệnh còn ăn cắp hoặc bán quần áo, lương thực của công nhân ra chợ đen (dưới thời Đức chiếm đóng) và bày đặt ý tưởng giữ hộ tiền tiết kiệm của nhân công để sau đó tìm cách biển thủ. Xung đột giữa nhân công với ban quản lý trại xảy ra như “cơm bữa” với mức độ căng thẳng ngày càng cao, từ cái cọ xô xát qua tuyệt thực, biểu tình đến bị tổng giam hay bỏ trốn. Đã có lúc tình hình xung đột gây lo ngại thực sự cho các Bộ hữu quan.

### **Họ là những người hôi sinh nghề trồng lúa của Pháp**

Chiến tranh xảy ra, giao thương với Đông Dương bị ngưng trệ, gạo nuôi công nhân không đủ. Nha MOI bỗng nảy ra sáng kiến tại sao không sử dụng chính nhân công vốn dĩ là những nông dân trồng lúa thực thụ để nuôi ăn cho chính họ. Thực ra trồng lúa ở các vùng Camargue, Arles hay Aude

khởi thủy từ đầu những năm 1840 nhưng chất lượng gạo kém và không cạnh tranh nổi với gạo nhập khẩu từ Đông Dương nên việc trồng trọt gần như chấm dứt giữa những năm 1930. Đúng lúc khan hiếm thực phẩm trên toàn nước Pháp (từ mùa thu 1941), chính quyền Vichy đã tận dụng tay nghề truyền đời của những người nông dân Việt Nam này để trồng lúa tại các vùng này. Những năm tiếp sau, sản lượng gạo tăng lên đáng kể và dân sản xuất lúa trong vùng làm giàu lập cơ nghiệp nhờ thứ vàng trắng này cho đến tận những năm 1960.

Thế nhưng, ai biết được bên trong thứ gạo trắng chất lượng ấy là những giọt mồ hôi mặn đắng của nông dân Việt Nam. Trồng lúa ở vùng ngập mặn này cực nhọc gấp mấy lần ruộng lúa đồng bằng ở Việt Nam. Khí hậu và thời tiết vùng Camargue càng tăng cái khó nhọc cho nông dân, mưa và bùn lầy vào đồng, lạnh và gió mistral kéo từ đông sang xuân, nắng nóng và ruồi muỗi “tràn ngập” từ hạ sang thu. Công việc đồng áng cực đến nỗi nông dân Pháp từ chối không làm và nếu không có người Việt Nam thì họ cứ bỏ mặc cho lúa mọc lung tung. Điều kiện làm việc và ăn ở hoàn toàn không được cải thiện: ăn thiếu, ngủ bẩn, không sưởi ấm, tay không chân trần lội xuống ruộng để cấy lúa. Tiền lương có nhỉnh hơn nhưng vẫn bị cắt xén. Chủ các nông trang trả qua MOI 50 quan/người/ngày, nhưng MOI chỉ đưa lại cho mỗi nhân công từ 15 - 20 quan/ngày.

Nhưng để làm nên thành quả mà người Pháp được hưởng này, nông dân Việt Nam một lần nữa lại bị khai thác và bị lãng quên! Không một nơi nào trong cả vùng Đông Nam nước Pháp và từ mấy thập kỷ qua, người Pháp nơi đây nhớ đến công lao của nông dân Việt Nam dù qua một bài diễn văn hay một tấm bia tưởng niệm...

### **Đấu tranh đòi độc lập cho Việt Nam**

Trở lại giữa thập kỷ 40, “may sao”, cuộc sống của lính thợ cũng dần được cải thiện sau ngày nước Pháp được giải phóng (1944). Cũng với mốc thời gian này, đời sống tinh thần của lính thợ biến chuyển rõ rệt, họ không còn là dân thuộc địa bị lệ thuộc và sai khiến nữa. Trong các trại, đám sỹ quan không còn hống hách như trước và bắt đầu “dè chừng” thái độ của lính thợ. Họ tiến hành bầu cử để chọn ra người lãnh đạo mới trong trại vì nhiều nơi ban chỉ huy vấy bỏ trách nhiệm quản lý.

Do tiếp xúc với phong trào giải phóng, với đảng cánh tả, với công đoàn Pháp, cộng với những thông tin về tình hình chính trị và tranh đấu đòi độc lập tự do ở Việt Nam, những lính thợ này được giác ngộ chính trị. Họ hoạt động, tranh đấu rất quy củ trên toàn nước Pháp đòi quyền độc lập cho Việt Nam. Hàng ngàn lính thợ gia nhập vào Tổng liên đoàn lao động Pháp (CGT). Trong trại, họ dạy chữ cho nhau, làm báo, sinh hoạt chính trị, chia thành khuynh hướng chính trị khác nhau: cộng sản, trotskyste hay quốc gia. Tuy bất đồng chính kiến về tư tưởng chính trị và có lúc mâu thuẫn đẩy lên đỉnh điểm (5-1948) biến thành trận tàn sát theo kiểu “thánh chiến” nhưng họ một lòng đấu tranh vì nền độc lập của Việt Nam. Ý thức chống thực dân và đòi độc lập ngày càng được các lính thợ phát biểu công khai dưới nhiều hình thức biểu tình, tuyệt thực hay từ chối chào lá cờ tam tài. Từ 1945 - 1948, chính quyền Pháp lo lắng trước phong trào này nên đã huy động lực lượng của Bộ Nội vụ thẳng tay tổng giam những người cầm đầu hoặc trục xuất họ về Việt Nam trong một nhà lao đã chờ sẵn.

Lính thợ, binh sỹ và trí thức Việt Nam tại Pháp lúc bấy giờ (tổng cộng 25.000 người) đã tổ chức thành công Đại hội đại biểu người Việt Nam tại Pháp lần thứ nhất (12-1944) và thành lập Tổng phái đoàn đại diện Việt Nam tại



Đại biểu lính thợ mít tinh chào mừng Chủ tịch Hồ Chí Minh đến Pháp năm 1946

Pháp. Dĩ nhiên, tất cả những yêu cầu giải thể nha MOI, hồi hương hay các hình thức đấu tranh đòi độc lập đều bị chính phủ de Gaulle phớt lờ.

#### Hồi hương sau 12 năm xa xứ

Ngay giữa 1940, do tình hình căng thẳng giữa chính phủ Vichy và Luân Đôn, việc giao thông đường biển với Viễn Đông bị đóng lại. Lợi dụng cơ hội tốt này, Vichy chủ trương tiếp tục khai thác một lực lượng 14.200 nhân công còn lại. Từ 1945 - 1947, chỉ có 1.000 lính thợ được hồi hương vì ốm yếu, trong khi đó, vào năm 1939, chỉ cần 6 tháng, nước Pháp đã chuyên chở gấp 20 lần. Vậy là phải chờ đến tận năm 1953, 3/4 lính thợ trưng dụng từ 1939 mới được trở về. Chỉ có khoảng 1.000 người định cư hẳn ở Pháp vì hoặc đã lập gia đình hoặc tìm được việc làm ổn định. Một lý do nữa trì hoãn việc hồi hương là chính quyền Pháp sợ gửi trả về Việt Nam gần 2 vạn người sẽ chỉ làm "phình to" hàng ngũ kháng chiến chống Pháp tại Đông Dương.

Một quãng đời đầy bi kịch và oái oăm: dân thuộc địa bị khai thác ngay tại "chính quốc", muốn được trở về quê hương thì cố tình để bị bắt với "tội danh" phản tử chống Pháp, về đến quê hương bị tống giam ngay vào tù hoặc vào trại lao động cưỡng bức ở Vũng Tàu và lại tiếp tục chịu sự quản thúc và khai thác phi lý của người Pháp thông qua Căn cứ tiếp quản lao động Đông Dương, nơi "tiếp đón" 10.500 lính thợ từ 1948 đến 1950. Hành trình hồi hương vẫn chưa chấm dứt. Về đến quê hương sau bao nhiêu năm xa cách, thời cuộc và thể chế đổi thay, một số người gia nhập ngay kháng chiến, một số khác lại bị nhìn với con mắt nghi ngờ vì từng làm việc cho kẻ thù, một số nữa lại bị "mắc kẹt" ở miền Nam và chỉ trở về quê nhà miền Bắc sau khi hai miền thống nhất.

#### 70 năm sau...

Chỉ còn chừng 30 người lính thợ đã trong ngoài 90 tuổi còn lại với chúng ta. Những người lính thợ, khi đã trở thành cha - ông,

rất ít hoặc gần như không "xói" lại chuyện xưa. Những người chúng tôi có may mắn gặp gỡ tại Pháp đều giữ một nét tính cách rất thuần Việt: tự hào "khoe" con cái. Các ông tâm sự rằng đời các ông khôn khó, giản dị, đến thời điểm này coi như đã gần xong một kiếp người, chỉ hãnh diện một điều là con cháu hiếu thảo, thành đạt và lương thiện. Theo lời một số con cháu, cha họ không muốn kể nhiều về quá khứ đó, bởi nó buồn thảm và đầy bất công, tủi nhục. Ông Nguyễn Trọng Hoàn (94 tuổi) giải thích rằng ông không muốn nói về cái nước Pháp thời đó để con cái mình không yêu nước Pháp nữa, để chúng hiểu rằng cha đã vượt qua nỗi hận. Phải chăng đây là một trong những đặc tính tích cực ở cộng đồng người Việt tại Pháp được bắt nguồn từ truyền thống di hòa vì quý của người Việt khiến cho cộng đồng này hòa nhập tốt hơn trong đời sống xã hội sở tại so với những cộng đồng Bắc Phi hay vùng châu Phi hạ Sahara?

Thực vậy, một trong những



Một trại lính thợ ở Venissieux, miền Nam nước Pháp, 1943

tình hình thời sự nổi cộm của đời sống xã hội Pháp trong những năm gần đây là tình trạng nhập cư lao động. Lông trong bối cảnh này là một dự luật năm 2005 (nhưng sớm bị bãi bỏ) về việc công nhận những hệ quả tích cực của chế độ thực dân Pháp. Giới trí thức Pháp, đặc biệt là giới sử học, dựng nên những bức tranh sáng tối về hành trình lao động nhập cư đến từ nhiều quốc gia và thể chế chính trị khác nhau trong thế kỷ XX đem lại một phân đàng kể cho sự phát triển kinh tế của nước Pháp, nhưng ngày nay nó cũng để lại nhiều hệ quả về xã hội, chính trị gây đau đầu cho chính phủ. Trong dòng lịch sử này, không thể thiếu một xứ Viễn Đông thuộc địa xa xôi, nhưng chỉ từ khi cuốn *Nhân công Đông Dương, lao động nhập cư cưỡng bức (1939 - 1952)*<sup>(4)</sup> ra mắt từ tháng 5-2009 thì công luận mới được đọc một bản cáo trạng tổng thể và chi tiết về sự khai thác nhân công thuộc địa ngay trên “chính quốc”.

Nhiều năm trước đây, một số vị cựu lính thợ và trí thức Pháp (Hoàng Khoa Khôi, Nguyễn Văn Phú, Laurent Schwartz, Georges Boudarel...) đấu tranh đòi chính sách đền bù, hoàn trả tiền lương và tiền hưu với chính phủ Pháp. Âu đây cũng là một đòi hỏi công bằng và công lý nhưng họ chỉ nhận được những câu trả lời “không thể” với những lý lẽ thuần hành chính. Thời gian đã đi quá xa, những người đáng được hưởng

nhất sự đền bù này thì đã không còn nữa nên điều ý nghĩa nhất lúc này là thực hiện những việc làm để tưởng niệm số phận những lao động nhập cư này.

### Tưởng niệm

Dưới tác động của công luận qua cuốn sách của tác giả Daum và sức ép của báo chí Pháp (nhất là tờ *Le Monde*), tòa thị chính thành phố Arles, bằng một cử chỉ hào mơn sẽ cho đặt tên một con đường là *Travailleurs indochinois* (Lao động Đông Dương) vào tháng 12 tới. Một trong những hành động ý nghĩa nữa là vận động để nước Pháp phải công nhận vai trò của nông dân Việt Nam trong việc hồi sinh nghề trồng lúa và sản xuất ra thứ gạo chất lượng tại cực Nam nước Pháp. Đây là một trong những việc được ông Lê Hữu Thọ (cựu thông ngôn) coi là nghĩa vụ cuối cùng trong đời mình để tưởng nhớ những người đồng hương đã khuất và giúp thế hệ sau ghi nhớ đến những người lính thợ Đông Dương.

Chúng tôi thiết nghĩ ở Việt Nam, chúng ta cần phải đem lại một lượng kiến thức sơ đẳng, tổng quát và có hệ thống về chủ đề này bằng cách xuất bản những tự thuật và hồi ký của những cựu lính thợ như Lê Bá Đẳng, Thiệu Văn Mưu... hay dịch những cuốn sách viết về chủ đề này trong khuôn khổ chính sách xuất bản của một nhà xuất bản<sup>(5)</sup>. Việc làm này sẽ đem lại cho thế hệ độc giả Việt Nam có một cái nhìn đa chiều về những người lính thợ ở hai bình diện vừa là chủ thể vừa là khách thể của lịch sử. Tuy sống xa đất nước trong một thời gian tương đối dài nhưng họ cũng như bao nhiều người Việt Nam cùng thế hệ đã trải nghiệm hai điều: sự tủ nhục vì là dân của một nước thuộc địa và ý thức quật khởi thời thức bởi tinh thần dân tộc chủ nghĩa.

### TU LIỆU THAM KHẢO

Pierre Daum - *Immigrés de force, Les travailleurs indochinois en France (1939-1952)* (Di cư cưỡng bức, Người lao

động Đông Dương ở Pháp), Ed. Solin/Actes Sud, 2009.

Lê Hữu Thọ - *Itinéraire d'un petit mandarin* (Hành trình của một viên quan nhỏ), L'Harmattan, 1997.

Ahmed Boubeker et Abdellali Hajjat (coord.) - *Histoire politique des immigrations (post)coloniales: France 1920 - 2008* (Lịch sử chính trị những cuộc di dân (hậu) thuộc địa: nước Pháp 1920-2008), Ed. Amsterdam, 2008.

Alexandre Briano - *Les travailleurs coloniaux, les oubliés de l'histoire 1916 - 1920 et 1939 - 1953* (Lao động thuộc địa, những người bị lịch sử lãng quên), Ed. Les Presses du Midi, 2008.

Dzu Lê Liêu - *Les hommes des 3 kỳ* (Những người của ba kỳ), (Phim tài liệu 1986).

### CHÚ THÍCH:

1. Service de la Main-d'Œuvre indigène, trong đó có nhân công Bắc Phi và Phi châu.
2. Trong đó Bắc kỳ chiếm 6.900 người, Trung kỳ 10.850 và Nam kỳ 1.800.
3. Một chuyện khôi hài theo kiểu “khôn ba năm đại một giờ” do ông Lê Hữu Thọ kể lại: một nhóm lính thợ ở Sorgues vì đói ăn quá đã ranh mãnh nghĩ ra kế ăn trộm bằng cách dụ ăn con chó nhà chủ để cho nó quen hơi và không sủa mỗi khi họ đi qua nhà. Sau vài ngày “thuần dưỡng” con chó dữ, một sớm mai, họ đột nhập vào nhà, con chó vui vẻ vẫy đuôi, cho lợn người thuốc mê và họ công đi hoi chú lợn sữa. Ăn mừng chiến thắng, họ khiêng lợn ra ngay con suối gần đó, thổi lửa nướng lợn. Không dè, khói bốc lên, chủ nhà sinh nghi, đi báo cảnh sát, thế là cả hội chưa kịp thưởng thức miếng ngon đã bị tổng giam.
4. Pierre Daum - *Immigrés de force, Les travailleurs indochinois en France (1939-1952)*, Nxb Solin/Actes Sud, 2009. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn tác giả Daum đã vui lòng cho trích tất cả các thông số, dữ kiện và ảnh để đưa vào bài báo này.
5. Hiện nay, chỉ có vài ba cuốn như *Lính thợ ONS* (Đặng Văn Long, Nxb Lao Động 1995), *Hành trình của một cậu ấm* (Lê Hữu Thọ, Nxb Thanh Niên và Nxb Văn học tái bản 2009) hay *Người Việt ở Pháp 1940 - 1954* (Đặng Văn Long, Tủ sách Nghiên cứu, Paris, 1997).